TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 1 **QUÂN KHU 4**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày 11/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 1 QUÂN KHU 4

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Đại úy Nguyễn Duy Nam

Các Hội thẩm quân nhân: - Thượng tá Hoàng Hoa Huynh

- Thiếu tá Dương Long Anh

- Thư ký phiên tòa: Thiếu úy Nguyễn Minh Cương - Thư ký Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 4.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 41 tham gia phiên tòa: Đại úy Phan Hồng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hoàng Trung T; tên gọi khác: không; sinh ngày 26 tháng 6 năm 1968 tại xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi ĐKNKTT: xóm S, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Q và bà Bùi Thị L; có vợ: Nguyễn Thị Thanh T và 02 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xử lý vi phạm hành chính và chưa bị Tòa án kết án lần nào; bị tạm giữ từ ngày 01/12/2017 đến ngày 10/12/2017 được trả tự do. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- *Bị hại*: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổng công ty H (viết tắt: Tổng công ty H) do ông Nguyễn Chính N (sinh năm 1962), Chủ tịch Hội đồng thành viên đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Lê Đình D - Ủy viên Hội đồng thành viên Tổng công ty H tham gia phiên tòa, có mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Ông Trần Văn T, có mặt.

+ Ông Võ Thanh Q, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 07/8/2017, trên đường đi làm về Hoàng Trung T phát hiện thấy trong khu di tích K (huyện N, tỉnh Nghệ An) có nhiều bộ giàn giáo xếp chồng lên nhau. Đến 23 giờ cùng ngày, T đi bộ vào khu di tích thấy các bộ giàn giáo được khóa lại với nhau bằng sợi dây xích sắt mà không có người trông coi nên T đã về nhà (cách 300m) lấy lưỡi cưa sắt để cưa dây xích sắt. Sau khi cưa đứt dây xích, T đã lần lượt vác từng bộ giàn giáo về nhà cất giữ (tổng cộng có 11,5 bộ gồm 23 khung chính và 39 thanh giằng chéo bằng sắt). Sau khi sự việc bị phát hiện và điều tra, đến ngày 01/12/2017, Hoàng Trung T đã đến cơ quan công an huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đầu thú và giao nộp lại toàn bộ số tài sản đã chiếm đoạt nói trên.

Vật chứng mà Hoàng Trung T giao nộp cho cơ quan công an huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An gồm 11,5 bộ giàn giáo có đặc điểm theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu được lập ngày 01/12/2017 tại cơ quan công an huyện Nam Đàn gồm 23 khung chính bằng thép, kích thước 1,59m x 1,26m, ống thép có đường kính 4,2cm; 39 thanh giằng chéo bằng thép dài 1,99m, ống thép đường kính 2,1cm.

Kết luận về việc xác định giá trị tài sản của Hội đồng định giá thuộc UBND huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xác định giá trị của 11,5 bộ giàn giáo (có đặc điểm như trên) mà cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Đàn trưng cầu định giá tài sản có giá trị: 5.961.000 đồng (*năm triệu, chín trăm sáu mốt nghìn đồng*).

Cáo trạng số 01/CT-VKS41 ngày 04/3/2018 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 41 truy tố bị cáo Hoàng Trung T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Trung T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố.

Đại diện của bị hại tham gia phiên tòa không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 41 tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hoàng Trung T như Cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các đặc điểm về nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, g, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46; không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; áp dụng Điều 33 và khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Hoàng Trung T 10 (mười) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 08 (tám tháng) tháng đến 02 (hai) năm. Về hình phạt bổ sung: không đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt. Về bồi thường thiệt hại: không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết. Về xử lý vật chứng: không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Tranh luận tại phiên tòa cũng như trong lời nói sau cùng, bị cáo Hoàng Trung T

ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình và mong nhận được khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đàn, Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 2 Quân khu 4, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 41, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Hoàng Trung T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng tại phiên tòa hôm nay và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định Hoàng Trung T lợi dụng lúc đêm tối và không có người canh giữ tài sản nên đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 11,5 bộ giàn giáo thuộc quyền sở hữu của Tổng công ty H để trên bãi cỏ phía sau nhà L trong khuôn viên khu di tích K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hoàng Trung T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, khi phát hiện thấy tài sản của người khác không có ai trông giữ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt để sử dụng phục vụ mục đích cá nhân. Hành vi của bị cáo T được thực hiện với lỗi cố ý. Theo Kết luận về việc xác định giá trị tài sản của Hội đồng định giá thuộc UBND huyện Nam Đàn thì tài sản mà bị cáo Hoàng Trung T đã chiếm đoạt là 11,5 bộ giàn giáo đã qua sử dụng có giá trị: 5.961.000 đồng (*năm triệu, chín trăm sáu mốt nghìn đồng*). Viện kiểm sát quân sự Khu vực 41 truy tố bị cáo Hoàng Trung T về tội "trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[3] Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi cũng như động cơ, mục đích phạm tội. Đây là lần đầu tiên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hậu quả do hành vi phạm tội gây ra thiệt hại không lớn. Sau khi biết cơ quan công an đang điều tra vụ việc có liên quan đến hành vi trộm cắp do mình thực hiện, Hoàng Trung T đã đến cơ quan công an huyện Nam Đàn để đầu thú và giao nộp lại số tài sản đã chiếm đoạt. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện của bị hại đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Gia đình bị cáo có anh trai là liệt sỹ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h và p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Tài sản mà bị cáo Hoàng Trung Thưởng đã chiếm đoạt trong vụ án này thuộc sở hữu của Tổng công ty H là tài sản của nhà nước. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy

nhiên, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015) đã không quy định tình tiết "xâm phạm tài sản của Nhà nước" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, đối chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì đề nghị của Kiểm sát viên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "xâm phạm tài sản của Nhà nước" quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo là có căn cứ.

[5] Hành vi của bị cáo Hoàng Trung T không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm mà hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự gì. Bị cáo được hưởng 03 (ba) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Hội đồng xét xử thấy không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 cũng có thể giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống.

[6] Về hình phạt bổ sung: hành vi phạm tội của bị cáo T thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, bị cáo là người không có việc làm, hoàn cảnh gia đình còn khó khăn nên Hội đồng xét xử thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về bồi thường thiệt hại: ngoài các tài sản bị chiếm đoạt, hành vi phạm tội của bị cáo T không gây thiệt hại gì khác. Bị cáo đã nộp lại số tài sản chiếm đoạt được cho cơ quan tiến hành tố tụng để trả lại cho chủ sở hữu, trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, Kiểm sát viên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là 11,5 bộ giàn giáo mà bị cáo chiếm đoạt đã được cơ quan tiến hành tố tụng xử lý trong giai đoạn điều tra vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý; đối với chiếc lưỡi cưa sắt mà bị cáo sử dụng để cưa đứt dây xích là công cụ được sử dụng vào việc phạm tội nhưng trong quá trình điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết.

[9] Về án phí: trong vụ án này, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên bị cáo chỉ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; các điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 33; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự năm 1999,

Tuyên bố bị cáo Hoàng Trung T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Hoàng Trung T 10 (mười) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/4/2018). Giao bị cáo Hoàng Trung T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp Hoàng Trung T thay đổi nơi cứ trú thì việc thi hành án treo được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, buộc bị cáo Hoàng Trung T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Căn cứ khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSQSKV41 (02);
- VKSQSQK4;
- TAQSTW;
- ĐTHSKV2-QK4;
- THAHSQK4;
- THADSQK4;
- Lưu HSVA, THA, N10.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đại úy Nguyễn Duy Nam